

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2026

Về việc: “Ly hôn, chia tài sản chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Bà Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 7 – Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 7, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân
khu vực 7 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
291/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2025, về việc “Ly hôn, chia tài sản chung
khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thái Văn Ng, sinh năm: 1997; Địa chỉ: số .., ấp
Long H., xã Hòa L., tỉnh Đồng Tháp .

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Ngọc Th, sinh năm: 2001; Địa chỉ: ấp Long Th,
xã Hòa L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 19/08/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và
tại phiên tòa nguyên đơn anh Thái Văn Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th do tìm hiểu, quen biết nhau được khoảng thời gian thì được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức đám cưới vào ngày 03/4/2025 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn thì anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th sống chung với nhau ở nhà cha mẹ ruột anh Ng tại ấp Long Hòa, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp, nhưng không có hạnh phúc. Khi mới cưới về thì chị Th đã kêu anh Ng mượn hết số tiền của bà con đi thiệp trong ngày cưới đưa cho chị Th nhưng anh Ng không đồng ý, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Anh Ng và chị Th ở với nhau được khoảng 02 tháng thì chị Th đã tự bỏ nhà đi 05 ngày, không ai biết đi đâu rồi tự trở về nhà ở với anh Ng được 01 tháng thì đến ngày 08/08/2025 kiếm chuyện gây gổ với anh Ng, rồi tự bỏ về nhà mẹ ruột ở. Cha mẹ anh Ng cũng có đến nhà gặp chị Th để rước về nhưng chị Th không chịu về và ở đó luôn cho đến nay. Anh Ng đã nhiều lần đến kêu chị Th về với anh Ng, nhưng chị Th không chịu về và anh Ng có nói nếu không về anh Ng sẽ làm đơn ly hôn, thì chị Th nói nếu muốn ly hôn thì làm đơn ly hôn đi. Anh Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng, nay anh Ng không còn thương chị Th nữa, nếu để cuộc hôn nhân kéo dài thì chỉ làm khổ cho nhau. Anh Thái Văn Ng nhất quyết yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc Th.

- Về con chung: Anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th không có con chung.

- Về tài sản chung: Khi đi về nhà ngoại của chị Th thì chị Th mang theo toàn bộ số vàng cưới gồm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24 kara 9999, trọng lượng 05 chỉ (kiểu bông mai); 01 (một) Chiếc lắc vàng 24 kara 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 (một) đôi bông tai vàng 24 kara 9999, trọng lượng 01 chỉ; 02 (hai) chiếc nhẫn cưới vàng 18 ka (7,5 tuổi) trọng lượng 05 phân. Tổng cộng 10 chỉ vàng 24 kara 9999 và 05 phân vàng 18 kara (7,5 tuổi). Anh Thái Văn Ng yêu cầu chị Phan Thị Ngọc Th trả lại $\frac{1}{2}$ tổng tài sản là 5 chỉ vàng 24 kara (9999) và 2,5 phân vàng 18Ka.

Tại phiên tòa anh Thái Văn Ng thống nhất giá vàng tại thời điểm xét xử là: Vàng 24kara 9999 là 14.500.000 đồng/chỉ; vàng 18kara (7,5 tuổi) là 8.500.000/chỉ, anh Ng yêu cầu được nhận giá trị là tiền.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị Phan Thị Ngọc Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Ngọc Th và anh Thái Văn Ng về chung sống với nhau từ ngày 04/6/2025 không có đăng ký kết hôn. Nay anh Ng không muốn sống chung với chị Th nữa, nhiều lần đánh đuổi chị Th đi, rồi đòi lại vàng mà anh Ng đã hứa tặng cho chị Th. Vậy còn đời con gái của chị Th bao lâu nay về sống chung với ông Ng thì có bồi thường lại cho chị không. Anh Thái Văn Ng yêu cầu được ly hôn, nhưng giữa chị Th và anh Ng không có đăng ký kết hôn, vì vậy không tồn tại hôn nhân, chị Th đồng ý ly hôn.

- Về con chung: chị Phan Thị Ngọc Th và anh Thái Văn Ng không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị Th thống nhất có số lượng vàng mà anh Ng trình bày. Tuy nhiên, trước khi về chung sống với nhau anh Ng có hứa với chị Th nếu chịu về sống chung với anh Ng thì anh Ng sẽ tặng cho chị Th số vàng trên nhưng trong thời gian sống chung với anh Ng do không có đi làm, không có tiền nên chị Th đã đem bán tại Tiệm vàng Nghĩa Long Th., bán đã lâu nên không nhớ bao nhiêu tiền. Còn 02 chiếc nhẫn cưới anh Ng cũng nói cho chị Th luôn, nên cũng đã bán, vì thời gian gần đây anh Ng nhiều lần đánh đập và đuổi chị Th về nhà mẹ chị Th ở không có tiền, không có việc làm, từ khi về sống với anh Ng toàn bộ số vàng được anh Ng tặng cho trước khi cưới chị Th đã bán hết để xoay sở trong cuộc sống. Tài sản mà ông Ng yêu cầu chia số vàng là tài sản chung, chị Th không đồng ý vì đây là vàng mà anh Ng tặng cho riêng cho chị Th, khi anh Ng đề nghị chị Th về sống chung.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th thống nhất thỏa thuận giá vàng tại thời điểm xét xử là: Vàng 24kara 9999 là 14.500.000 đồng/chỉ; vàng 18kara (7,5 tuổi) là 8.500.000/chỉ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ tranh chấp: Tòa án nhân dân Khu vực 7 xác định đây là "*Tranh chấp dân sự về hôn nhân gia đình*" là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về xác định thẩm quyền; xác định tư cách tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 237, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm so với quy định.

- Về nội dung vụ án: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Thái Văn Ng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th và chia tài sản chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và chị Phan Thị Ngọc Th hiện đang cư trú tại xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th sống chung như vợ chồng từ tháng 4/2025 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Duyên và anh Luân là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung:

Xét yêu cầu của anh Thái Văn Ng chia đôi toàn bộ số vàng cưới gồm 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24 kara 9999, trọng lượng 05 chỉ (kiểu bông mai); 01 (một) Chiếc lắc vàng 24 kara 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 (một) đôi bông tai vàng 24 kara 9999, trọng lượng 01 chỉ; 02 (hai) chiếc nhẫn cưới vàng 18 kara (7,5 tuổi) trọng lượng 05 phân. Anh Thái Văn Ng yêu cầu chị Phan Thị Ngọc Th trả lại $\frac{1}{2}$ tổng tài sản là 5 chỉ vàng 24 kara (9999) và 4 phân vàng 18 kara (7,5 tuổi) anh Ng nhận giá trị là tiền. Chị Phan Thị Ngọc Th không đồng ý và cho

rằng số vàng này do anh Ng tặng cho chị Th trước ngày tổ chức đám cưới, đây là tài sản riêng của của chị Th và trong thời gian sống chung với anh Ng do không có đi làm, không có tiền nên chị Th đã đem bán tại Tiệm vàng Nghĩa Long Th..., bán đã lâu nên không nhớ bao nhiêu tiền. Còn 02 chiếc nhẫn cưới anh Ng cũng nói cho chị Th nên cũng đã bán, từ khi về sống với anh Ng toàn bộ số vàng được anh Ng tặng cho trước khi cưới chị Th đã bán hết để xoay sở trong cuộc sống. Theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc giải quyết tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được áp dụng theo thỏa thuận của các bên; trường hợp không thỏa thuận được thì áp dụng quy định của pháp luật dân sự.

Đồng thời, số vàng đang tranh chấp phát sinh trong thời gian hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau, đây là vàng cưới do hai bên nhận được trong quá trình xác lập cuộc sống chung, có sự chứng kiến của hai bên gia đình. Chị Th cho rằng số vàng này là tài sản chị Th được tặng cho riêng trước ngày cưới, tuy nhiên chị Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc tặng cho riêng và chị Th cũng không có chứng cứ chứng minh tiền bán vàng sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình anh Ng và chị, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số vàng cưới nêu trên là tài sản chung của anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th trong thời gian chung sống.

Tại phiên tòa anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th thống nhất thỏa thuận giá vàng tại thời điểm xét xử là: Vàng 24kara 9999 là 14.500.000 đồng/chỉ; vàng 18kara (7,5 tuổi) là 8.500.000/chỉ, anh Ng yêu cầu được nhận bằng tiền tương đương với số tiền 72.500.000 đồng (05 chỉ vàng 24kara) và 2.100.000 đồng (2,5 phân vàng 18kara). Tổng cộng 74.600.000 đồng, xét thấy thỏa thuận của anh Ng và chị Th là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Thái Văn Ng, buộc chị Phan Thị Ngọc Th chia cho anh Thái Văn Ng 05 chỉ vàng 24kara 9999 và 2,5 phân vàng 18kara (7,5 tuổi) tương đương số tiền 74.600.000 đồng, chị Th được sở hữu 05 chỉ vàng 24kara 9999 và 2,5 phân vàng 18kara (7,5 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về nợ chung: Anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn và bị đơn còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được phân chia (vàng 24k 9999 trị giá 14.500.000 đồng/chỉ, 18kara trị giá 8.500.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 53; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Văn Ng và bà Phan Thị Ngọc Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: vàng 24k 9999 trị giá 14.500.000 đồng/chỉ, 18kara trị giá 8.500.000 đồng/chỉ.

Chấp nhận yêu cầu của anh Thái Văn Ng.

Buộc chị Phan Thị Ngọc Th giao trả cho anh Thái Văn Ng số tiền 74.600.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Chị Phan Thị Ngọc Th được hưởng 05 chỉ vàng 24 kara (9999) và 2,5 phân vàng 18 kara (7,5 tuổi) hiện chị Th đang quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Anh Thái Văn Ng và chị Phan Thị Ngọc Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Anh Thái Văn Ng phải chịu 3.730.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.217.500 đồng (*Hai triệu, hai trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0006099, ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Thái Văn Ng còn phải nộp thêm 1.512.500 đồng (*Một triệu, năm trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự.

- Anh Thái Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh Ng chưa nộp.

- Chị Phan Thị Ngọc Th phải chịu 3.730.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

